

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN LPS
LPS SECURITIES
JOINT STOCK COMPANY**

Số: 745/2026/CV-LPS
No. 745/2026/CV-LPS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2026
Ho Chi Minh City, October 02, 2026*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*State Securities Commission*
To: - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/*Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/*Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán LPS (“LPS Securities”)

Name of organization: LPS Securities Joint Stock Company (“LPS Securities”)

Mã chứng khoán/*Stock code: LPS*

Địa chỉ: Tầng 4, Cao ốc Văn phòng 257 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Address: 4th Floor, Office Building 257 Dien Bien Phu, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

Điện thoại/*Phone: 028.7309 8198*

Fax: 028. 3514 6799

Email: lienhe@lpbs.com.vn

Web: <https://lpbs.com.vn>

2. Nội dung của thông tin công bố/ *Content of the disclosed information:*

Ngày 02/10/2026, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán LPS đã ban hành Nghị quyết số 115B/2026/NQ-HĐQT về việc Phê duyệt ban hành Quy chế Báo cáo và Công bố thông tin số QC/PC/CBTT/03, ban hành lần 03 (Chi tiết theo tài liệu đính kèm).

On October 02, 2026, the Board of Directors of LPS Securities Joint Stock Company issued Resolution No. 115B/2026/NQ-HĐQT approving the issuance of the Reporting and Information Disclosure Regulations No. QC/PC/CBTT/03, 3rd issuance (Details are provided in the attached document).

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 02/10/2026 tại đường dẫn: <https://lpbs.com.vn/> mục công bố thông tin.

This information was published on the Company's website on October 02, 2026 as in the link: <https://lpbs.com.vn/> under the “Information Disclosure” section.



Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN LPBANK
Ký ngày: 02-10-2026 18:38:57



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số 115B /2026/NQ-HĐQT.
Resolution No. 115B /2026/NQ-HĐQT.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Organization representative
Người được ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information



Trần Thị Thu Hương
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm
Người phụ trách quản trị Công ty
Member of the Board of Directors cum
Corporate Governance Officer



Số: 115B/2026/NQ-HĐQT
115B/2026/NQ-HĐQT

Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2026
Ho Chi Minh City, 02 October 2026

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPS
RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS
LPS SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

(V/v: Phê duyệt ban hành Quy chế Báo cáo và Công bố thông tin)

(Re: Approval of the Issuance of the Regulation on Reporting and Information Disclosure)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi bổ sung;/Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam dated 17 June 2020 and its implementing, amending, and supplemental regulations;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, sửa đổi bổ sung;/Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam dated 26 November 2019 and its implementing, amending, and supplemental regulations;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán LPS ("LPS");/Pursuant to the Charter of LPS Securities Joint Stock Company ("LPS");
- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 115/2026/BBH-HĐQT ngày 02/10/2026./Pursuant to the Minutes of Meeting of the Board of Directors No. 115/2026/BBH-HĐQT dated 02 October 2026.

**QUYẾT NGHỊ
HEREBY RESOLVES**

Điều 1. Phê duyệt ban hành Quy chế Báo cáo và Công bố thông tin của LPS số QC/PC/CBTT/03, ban hành lần 03.

Article 1. Approval of the issuance of the Regulation on Reporting and Information Disclosure No. QC/PC/CBTT/03, Third Issuance.

Điều 2. Giao/ủy quyền cho Tổng giám đốc chỉ đạo các Đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quy chế; xây dựng Quy trình, hướng dẫn về báo cáo và công bố thông tin phù hợp với Quy chế, Điều lệ và quy định pháp luật.

24

Article 2. Assignment/authorization of the Chief Executive Officer to direct relevant units to implement the Regulation; and to develop procedures and guidelines on reporting and information disclosure in accordance with the Regulation, the Charter and applicable laws and regulations.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐQT ngày 20/03/2024. Hội đồng quản trị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Article 3. This Resolution shall take effect from the date of signing and supersedes Resolution No. 11/2024/NQ-HĐQT dated 20 March 2024. The Board of Directors and relevant individuals shall be responsible for implementing this Resolution.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH/CHAIRMAN**

Nơi nhận/ Recipients:

- HĐQT, BKS, TGD, Khối Quản trị rủi ro & Tuân thủ/BOD, BOS, CEO & Risk Management and Compliance Division;
- Công bố thông tin/Information disclosure;
- Lưu: VP HĐQT/Archived: BOD Office.



NGUYỄN DUY KHOA



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPS

QUY CHẾ

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban hành kèm theo Nghị quyết số 115/2026 ngày 02/10/2026

của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán LPS

Mục	Họ và tên	Chức vụ	Phòng ban	Chữ Ký
Biên Soạn	Hồ Thị Phương Uyên	Chuyên viên	Pháp chế	
Kiểm tra nghiệp vụ	Lương Trúc Giang	Chuyên gia	Kiểm soát nội bộ	
	Thái Ngọc Minh Lý	Trưởng phòng	Pháp chế và Kiểm soát nội bộ	

PHÊ DUYỆT		
Mục	Kiểm tra	Phê duyệt
Ngày	<u>17/09/2026</u>	<u>02/10/2026</u>
Chữ ký		
Họ và tên (Chức danh)	CAO VĂN HẬU Giám đốc điều hành Khối Quản trị rủi ro & Tuân thủ	NGUYỄN DUY KHOA TM. Hội đồng Quản trị Chủ tịch Hội đồng quản trị

BẢNG KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH THAY ĐỔI

STT	Ngày ban hành	Chương, Mục, Điều bị điều chỉnh	Nội dung thay đổi
01	20/03/2024	Ban hành lần đầu	
02	02/10/2026	Sửa đổi bổ sung	- Thay đổi tên Công ty; - Áp dụng Luật số 56/2024/QH15, Luật số 76/2025/QH15, Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 18/2025/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC; - Điều chỉnh một số nội dung về tổ chức và hoạt động của LPS.

BIỂU MẪU SỬ DỤNG

STT	Ký hiệu	Tên biểu mẫu
01		
02		
03		

04
ĐƠN
SỬ DỤNG
VẬT
LIỆU

CHƯƠNG I.....	1
MỤC ĐÍCH, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG	1
Điều 1. Mục đích	1
Điều 2. Phạm vi, đối tượng và nguyên tắc áp dụng.....	1
Điều 3. Tài liệu tham chiếu.....	1
CHƯƠNG II	2
GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN VÀ YÊU CẦU CỦA BC & CBTT .	2
Điều 4. Giải thích từ ngữ	2
Điều 5. Nguyên tắc thực hiện Công bố thông tin	3
Điều 6. Yêu cầu của việc Báo cáo và Công bố thông tin	4
Điều 7. Các chủ thể tham gia CBTT.....	5
CHƯƠNG III.....	6
CÁC TRƯỜNG HỢP, VAI TRÒ THỰC HIỆN BÁO CÁO, CBTT CỦA CÔNG TY	6
Điều 8. Các trường hợp Báo cáo, CBTT	6
Điều 9. Các vai trò thực hiện Báo cáo, CBTT.....	6
CHƯƠNG IV	6
PHƯƠNG TIỆN, HÌNH THỨC TRIỂN KHAI BC & CBTT.....	6
Điều 10. Các phương tiện Báo cáo & CBTT.....	6
Điều 11. Hình thức Báo cáo, CBTT	7
Điều 12. CBTT qua Website Công ty.....	7
Điều 13. Tạm hoãn CBTT	8
Điều 14. Bảo quản, lưu trữ thông tin Báo cáo, CBTT	8
CHƯƠNG V.....	8
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	8
Điều 15. Điều khoản thi hành.....	8

	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: QC/PC/CBTT/03
		Lần ban hành: 03
		Ngày hiệu lực: 02/10/2026

CHƯƠNG I

MỤC ĐÍCH, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

Điều 1. Mục đích

- 1.1. Thiết lập các quy định, nguyên tắc và hướng dẫn về cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và minh bạch cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động Báo cáo (“BC”) và Công bố thông tin (“CBTT”) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán LPS (“LPS Securities”/“LPS”/“Công ty”), đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 1.2. Quy định về nguyên tắc thực hiện và trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện và quản lý hoạt động BC & CBTT tại Công ty.
- 1.3. Tạo khuôn khổ để xây dựng các quy trình cụ thể hóa các hoạt động BC & CBTT tại Công ty.

Điều 2. Phạm vi, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

- 2.1. Quy chế này áp dụng cho các hoạt động Báo cáo và Công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 2.2. Quy chế này áp dụng cho tất cả Người nội bộ, người có liên quan của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, cổ đông lớn, các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, các cá nhân, đơn vị theo mô hình tổ chức của Công ty.
- 2.3. Những nội dung không quy định cụ thể trong Quy chế này được thực hiện theo quy định, quy trình nội bộ hiện hành của Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Tài liệu tham chiếu

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (“LDN”);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (“LCK”);
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán LPS (“Điều lệ”);
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;
- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;

	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: <u>QC/PC/CBTT 03</u>
		Lần ban hành: <u>03</u>
		Ngày hiệu lực: <u>02/10/2026</u>

- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC và Thông tư số 18/2025/TT-BTC;
- Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC/31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC;
- Quy chế Công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021;
- Quyết định số 31/QĐ-SGDVN ngày 31/3/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021.
- Các quy định pháp luật và văn bản hướng dẫn khác điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung có liên quan.

CHƯƠNG II

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN VÀ YÊU CẦU CỦA BC & CBTT

Điều 4. Giải thích từ ngữ

- 4.1. Người nội bộ của Công ty (“**NNB**”): là Chủ tịch Hội đồng quản trị (“**HDQT**”), các Thành viên HDQT, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (“**TGD**”), Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm, Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty, Người được ủy quyền CBTT;
- 4.2. Cổ đông lớn (“**CDL**”): là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- 4.3. Người có liên quan (“**NCLQ**”): là các cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Công ty và NNB của Công ty;
 - (ii) Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
 - (iii) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó

	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: <u>QC/PC/CBTT/03</u>
		Lần ban hành: <u>03</u>
		Ngày hiệu lực: <u>01/10/2025</u>

chịu chung một sự kiểm soát;

- (iv) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- (v) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- (vi) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- (vii) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

4.4. Ngày CBTT: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT theo quy định tại Quy chế này;

4.5. Ngày báo cáo về việc CBTT: là ngày Công ty gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, hoặc ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”), phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (“SGDCK”) hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo, tùy thời điểm nào đến trước;

4.6. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán:

- (i) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
- (ii) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
- (iii) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
- (iv) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSDC;
- (v) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
- (vi) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSDC và không thực hiện qua SGDCK.

Điều 5. Nguyên tắc thực hiện Công bố thông tin

5.1. Thông tin công bố

- Việc thực hiện CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật;
- Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

5.2. Người thực hiện CBTT (“Người CBTT”)

- Việc CBTT của Công ty phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được uỷ quyền

	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: <u>QC/PC/CBTT/03</u>
		Lần ban hành: <u>03</u>
		Ngày hiệu lực: <u>02/10/2026</u>

công bố thông tin thực hiện;

- Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố;
- Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà Người CBTT đều vắng mặt thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT;
- Công ty phải báo cáo thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"), và Sở giao dịch chứng khoán ("SGDCK") trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin, Bản cung cấp thông tin và các tài liệu khác (nếu có).

5.3. Bảo mật thông tin

- Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý;
- Trường hợp mẫu biểu CBTT yêu cầu các thông tin trên, thông tin chỉ được gửi đến cơ quan quản lý/có thẩm quyền và được ản/che/làm mờ khi thực hiện CBTT theo các hình thức CBTT được quy định tại Quy chế này.

Điều 6. Yêu cầu của việc Báo cáo và Công bố thông tin

6.1. Mẫu biểu

- BC & CBTT phải được thực hiện đúng theo các biểu mẫu, ngôn ngữ tiếng Việt và/hoặc Tiếng Anh theo quy định bởi các cơ quan chức năng và gửi theo đúng phương thức được yêu cầu tại từng thời điểm, đối với báo cáo bằng văn bản phải có đầy đủ dấu và chữ ký của người có thẩm quyền ký báo cáo.

6.2. Nội dung

- Việc BC & CBTT phải bảo đảm tính trung thực, khách quan, đầy đủ, chính xác và kịp thời;
- Việc CBTT phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố và phải được thực hiện đồng thời trên các phương tiện báo cáo, CBTT quy định tại Quy chế này.

6.3. Ngôn ngữ

- Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt;
- Công ty thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh ;
- Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác nhau giữa thông tin bằng

tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng;

- Đơn vị chủ trì việc soạn thảo nội dung công bố thông tin có trách nhiệm đảm bảo các văn bản gửi công bố thông tin đáp ứng các tiêu chí về ngôn ngữ công bố thông tin theo quy trình về Báo cáo và CBTT của Công ty.

Điều 7. Các chủ thể tham gia CBTT

- 7.1. Người thực hiện CBTT: theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.
- 7.2. Đơn vị cung cấp thông tin (“ĐVCC”)
 - (i) ĐVCC theo từng trường hợp CBTT được Công ty xác định cụ thể và ban hành từng thời kỳ.
 - (ii) Khi phát sinh sự kiện cần CBTT, ĐVCC có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu cần công bố (“**Thông Tin Công Bố**”) gửi Đơn vị đầu mối (“ĐVDM”) để CBTT.
 - (iii) Trường hợp phát sinh các sự kiện chưa thuộc phạm vi quy định của Công ty, tuy nhiên, ĐVCC bằng nhận thức tốt nhất của mình, có cơ sở để cho rằng hoặc suy đoán rằng sự kiện xảy ra có thể thuộc các trường hợp phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật, ĐVCC phải ngay lập tức gửi yêu cầu tư vấn tới Phòng Pháp chế và kiểm soát nội bộ để xác định, làm rõ và gửi yêu cầu CBTT tới ĐVDM để thực hiện CBTT (nếu có).
- 7.3. Đơn vị đầu mối
 - (i) ĐVDM theo từng trường hợp CBTT được Công ty xác định cụ thể và ban hành từng thời kỳ.
 - (ii) ĐVDM có trách nhiệm hoàn thiện bộ hồ sơ CBTT (gồm soạn thảo và hoàn thiện các Công văn/báo cáo CBTT và Thông tin công bố) (“**Hồ Sơ CBTT**”) và thực hiện CBTT theo yêu cầu của ĐVCC.
 - (iii) ĐVDM không có trách nhiệm kiểm tra lại nội dung Thông Tin Công Bố do ĐVCC cung cấp.
 - (iv) ĐVDM báo cáo việc thực hiện nghĩa vụ CBTT theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.
- 7.4. Đơn vị phối hợp (“ĐVPH”)
 - (i) ĐVPH theo từng trường hợp CBTT được Công ty xác định cụ thể và ban hành từng thời kỳ.
 - (ii) ĐVPH có trách nhiệm phối hợp với ĐVDM và ĐVCC để thực hiện CBTT.
- 7.5. Các Đơn vị có trách nhiệm cử cán bộ đầu mối (bao gồm trường hợp có thay đổi) để thực hiện các công việc liên quan đến CBTT và gửi email thông báo (họ và tên, chức danh, email, số điện thoại di động và số máy lẻ tại Công ty) tới Phòng Pháp chế và kiểm soát nội bộ và Đơn vị có liên quan.

	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: <u>QC/PC/CBTT/Q3</u>
		Lần ban hành: <u>03</u>
		Ngày hiệu lực: <u>02/10/2026</u>

CHƯƠNG III

CÁC TRƯỜNG HỢP, VAI TRÒ THỰC HIỆN BÁO CÁO, CBTT CỦA CÔNG TY

Điều 8. Các trường hợp Báo cáo, CBTT

- 8.1. CBTT định kỳ;
- 8.2. CBTT bất thường;
- 8.3. CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;
- 8.4. CBTT về biến động giao dịch của Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 05% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- 8.5. CBTT về giao dịch của NNB của công ty và người có liên quan của NNB;
- 8.6. CBTT khác của Công ty.

Điều 9. Các vai trò thực hiện Báo cáo, CBTT

- 9.1. CBTT với vai trò là công ty chứng khoán hoạt động trên thị trường chứng khoán;
- 9.2. CBTT với vai trò là doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ;
- 9.3. CBTT với vai trò là doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra công chúng.

CHƯƠNG IV

PHƯƠNG TIỆN, HÌNH THỨC TRIỂN KHAI BC & CBTT

Điều 10. Các phương tiện Báo cáo & CBTT

- 10.1. Hoạt động CBTT được thực hiện theo một, một số hoặc toàn bộ phương tiện sau
 - Trang thông tin điện tử (“Website”) của Công ty;
 - Hệ thống CBTT của UBCKNN: hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu của công ty chứng khoán (“SCMS”), trang thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN được quy định cụ thể trong từng thời kỳ;
 - Hệ thống CBTT của SGDCK: hệ thống quản lý báo cáo và công bố thông tin của SGDCK Hà Nội và SGDCK Việt Nam (“CIMS”), SGDCK TP.Hồ Chí Minh (“ECM”), trang thông tin điện tử của các SGDCK và phương tiện công bố thông tin khác theo quy chế của SGDCK;
 - Trang thông tin điện tử của VSDC;
 - Phương tiện thông tin đại chúng khác (báo in, báo điện tử...).
- 10.2. Hoạt động Báo cáo được thực hiện theo một, một số hoặc toàn bộ phương tiện sau
 - Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN: hệ thống SCMS, trang thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;
 - Hệ thống công bố thông tin của các SGDCK: hệ thống CIMS, ECM, trang thông tin điện tử của SGDCK và phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK;
 - Các hệ thống báo cáo, công bố thông tin của các cơ quan chức năng (Chuyên trang thông tin

trái phiếu doanh nghiệp của SGDCK Hà Nội (“Cbonds”); hệ thống nộp báo cáo FATCA của Ngân hàng nhà nước,);

- Các phương tiện báo cáo khác.
- 10.3. Ngoài các phương tiện nêu trên, khi thực hiện Báo cáo, CBTT phải gửi đến Email của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại từng thời điểm.

Điều 11. Hình thức Báo cáo, CBTT

- 11.1. Các thông tin cung cấp phục vụ cho việc CBTT được thực hiện bằng văn bản giấy và/hoặc văn bản điện tử theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK tại từng thời điểm, theo đó:
- Văn bản giấy là bản in ra giấy, có chữ ký của Người CBTT và được đóng dấu của Công ty;
 - Văn bản điện tử là văn bản được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu. Các văn bản điện tử có sử dụng chứng thư số để ký trước khi đính kèm vào thư điện tử (email) có giá trị thay thế cho Văn bản giấy.
- 11.2. Việc báo cáo, CBTT còn thực hiện qua phần mềm công bố thông tin theo quy định của UBCKNN, SGDCK tại từng thời kỳ. Các cá nhân/bộ phận phụ trách có trách nhiệm soạn thảo nội dung CBTT cả bản tiếng Việt và tiếng Anh theo đúng quy định của cơ quan chức năng. Các cá nhân, bộ phận được phân công thực hiện CBTT thông qua phần mềm CBTT phải đảm bảo nguyên tắc:
- Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm: tên truy cập và mật khẩu để CBTT đến UBCKNN, SGDCK;
 - Thực hiện CBTT theo đúng hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
- 11.3. Địa chỉ email đăng ký nhận thông tin và gửi Báo cáo, CBTT cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền:
- Email gửi: **cbtt1@lpbs.com.vn**.
 - Email nhận: **cbtt1@lpbs.com.vn**

Điều 12. CBTT qua Website Công ty

- 12.1. Địa chỉ trang thông tin điện tử chính thức để CBTT: **<https://www.lpbs.com.vn>**
- 12.2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo cho UBCKNN, các SGDCK trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi có thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này.
- 12.2.1. Website của Công ty phải có nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan đến các nội dung này.
- 12.3. Website của Công ty phải có riêng chuyên mục về Quan hệ cổ đông, trong đó tối thiểu phải có các thông tin sau:
- Điều lệ Công ty;
 - Quy chế công bố thông tin;

- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - Bản cáo bạch (nếu có);
 - Các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 12.4. Website của Công ty phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin. Các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu có thể được đưa lên trang đầu của website theo thứ tự thời gian, nhưng phải được lưu trữ tập trung tại chuyên mục Quan hệ cổ đông để tiện tra cứu khi cần thiết.
- 12.5. Các CBTT định kỳ, bất thường và theo yêu cầu phải được gửi cho ĐVPH để đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với các phương tiện CBTT khác.
- 12.6. Chuyên mục Quan hệ nhà đầu tư bằng tiếng Anh phải được cập nhật thông tin tương đương với mục Quan hệ nhà đầu tư bằng tiếng Việt để tạo điều kiện cho các cổ đông, khách hàng là người nước ngoài truy cập thông tin cần thiết.
- 12.7. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, việc CBTT được thực hiện trên website của Công ty trước và sau đó thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 13. Tạm hoãn CBTT

- 13.1. Trong trường hợp việc CBTT không thể thực hiện đúng thời hạn về CBTT vì những lý do bất khả kháng, Phòng Pháp chế và kiểm soát nội bộ soạn thảo công văn đề nghị tạm hoãn CBTT trình Người CBTT ký, gửi UBCKNN, SGDCN ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT và thực hiện CBTT ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục.

Điều 14. Bảo quản, lưu trữ thông tin Báo cáo, CBTT

- 14.1. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
- 14.2. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Điều khoản thi hành

- 15.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 15.2. Quy chế được ban hành và được công bố thông tin lên trang thông tin điện tử của Công ty.
- 15.3. Quy chế này thay thế cho các Quy chế CBTT được Công ty ban hành trước đây.

	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: <u>QC/PC/CBTT/03</u>
		Lần ban hành: <u>03</u>
		Ngày hiệu lực: <u>02/10/2026</u>

- 15.4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định.
- 15.5. HĐQT, Ban điều hành, các cá nhân và đơn vị liên quan của Công ty có trách nhiệm thực hiện đúng Quy chế này.





LPS SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

REGULATIONS

ON REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE

Issued together with Resolution No. 115B/2026/NQ-HĐQT dated 02/10/2026

by the Board of Directors of LPS Securities Joint Stock Company

Contents	Full name	Position	Department	Signature
Prepared by	Ho Thi Phuong Uyen	Specialist	Legal Affairs	
Professional review	Luong Truc Giang	Expert	Internal Control	
	Thai Ngoc Minh Ly	Head of Department	Legal Affairs and Internal Control	

APPROVAL

Contents	Review	Approval
Date	17/09/2026	02/10/2026
Signature		
Full name (Title)	CAO VAN HAU Executive Director Risk Management & Compliance Division	NGUYEN DUY KHOA On behalf of the Board of Directors Chairman of the Board of Directors

CHANGE CONTROL TABLE

No.	Date of issue	Chapter, Section, Article amended	Description of changes
01	20/03/2024	First issuance	
02	02/10/2026	Amendments and supplements	- Change of the Company name; - Application of Law No. 56/2024/QH15, Law No. 76/2025/QH15, Circular No. 68/2024/TT-BTC, Circular No. 18/2025/TT-BTC, and Circular No. 08/2026/TT-BTC; - Amendments to certain contents regarding the organization and operation of LPS.

FORMS USED

No.	Code	Form name
01		
02		
03		

CHAPTER I.....	4
PURPOSE, SCOPE, SUBJECTS AND PRINCIPLES OF APPLICATION.....	4
Article 1. Purpose.....	4
Article 2. Scope, subjects and principles of application.....	4
Article 3. Reference documents	4
CHAPTER II.....	5
INTERPRETATION OF TERMS, PRINCIPLES OF IMPLEMENTATION AND REQUIREMENTS FOR REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE.....	5
Article 4. Interpretation of terms.....	5
Article 5. Principles of Information Disclosure	7
Article 6. Requirements for Reporting and Information Disclosure	8
Article 7. Parties involved in Information Disclosure.....	8
CHAPTER III	10
CASES AND ROLES IN THE IMPLEMENTATION OF REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE BY THE COMPANY.....	10
Article 8. Cases of Reporting and Information Disclosure	10
Article 9. Roles in the implementation of Reporting and Information Disclosure	10
CHAPTER IV.....	10
MEANS AND METHODS FOR IMPLEMENTING REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE.....	10
Article 10. Means of Reporting and Information Disclosure.....	10
Article 11. Forms of Reporting and Information Disclosure	11
Article 12. Information Disclosure through the Company's Website.....	12
Article 13. Postponement of Information Disclosure.....	12
Article 14. Preservation and retention of Reporting and Information Disclosure.....	13
CHAPTER V	13
IMPLEMENTATION PROVISIONS.....	13
Article 15. Implementation Provisions.....	13

	REGULATIONS ON REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE	Code: QC/PC/CBTT/03
		Issuance No.: 03
		Effective date: 02/10/2026

CHAPTER I

PURPOSE, SCOPE, SUBJECTS AND PRINCIPLES OF APPLICATION

Article 1. Purpose

- 1.1. Establish regulations, principles and guidelines on the provision of complete, timely, accurate and transparent information to shareholders, investors and state regulatory authorities in relation to Reporting (“**Reporting**”) and Information Disclosure (“**ID**”) activities at LPS Securities Joint Stock Company (“**LPS Securities**”/“**LPS**”/“**Company**”), ensuring compliance with applicable laws and the Company’s Charter.
- 1.2. Provide regulations on the principles of implementation, and the responsibilities and authorities of units and individuals involved in the implementation and management of Reporting and Information Disclosure activities at the Company.
- 1.3. Establish a framework for developing specific procedures for Reporting and Information Disclosure activities at the Company.

Article 2. Scope, subjects and principles of application

- 2.1. These Regulations apply to Reporting and Information Disclosure activities as prescribed by laws on securities and the securities market.
- 2.2. These Regulations apply to all Insiders, related persons of Insiders, related persons of the Company, major shareholders, branches, transaction offices, representative offices, and individuals and units under the Company’s organizational structure.
- 2.3. Matters not specifically provided for in these Regulations shall be implemented in accordance with the Company’s prevailing internal regulations and procedures and relevant laws.

Article 3. Reference documents

- Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, Law No. 76/2025/QH15 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2025, and documents amending, supplementing and guiding the implementation thereof (“**Law on Enterprises**”);
- Law on Securities No. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019, Law No. 56/2024/QH15 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 29, 2024, and documents amending, supplementing and guiding the implementation thereof (“**Law on Securities**”);
- Charter of LPS Securities Joint Stock Company (“**Charter**”);
- Circular No. 121/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 by the Ministry of Finance regulating the operations of securities companies;

	REGULATIONS ON REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE	Code: QC/PC/CBTT/03
		Issuance No.: 03
		Effective date: 02/10/2026

- Circular No. 119/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 by the Ministry of Finance regulating the registration, depository, clearing and settlement of securities transactions;
- Circular No. 18/2025/TT-BTC dated April 26, 2025 by the Ministry of Finance amending and supplementing a number of articles of Circular No. 119/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 by the Minister of Finance regulating the registration, depository, clearing and settlement of securities transactions;
- Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 by the Minister of Finance guiding information disclosure on the securities market, as amended and supplemented by Circular No. 68/2024/TT-BTC dated September 18, 2024 by the Minister of Finance;
- Circular No. 08/2026/TT-BTC dated February 3, 2026 by the Ministry of Finance amending and supplementing a number of articles of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 by the Minister of Finance guiding information disclosure on the securities market, as amended and supplemented by Circular No. 68/2024/TT-BTC and Circular No. 18/2025/TT-BTC;
- Circular No. 120/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 by the Minister of Finance regulating transactions in listed shares, registered-for-trading shares and fund certificates, corporate bonds, and listed covered warrants on the securities trading system, as amended and supplemented by Circular No. 68/2024/TT-BTC;
- Circular No. 121/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 by the Minister of Finance regulating the operations of securities companies, as amended and supplemented by Circular No. 68/2024/TT-BTC;
- Regulations on Information Disclosure of the Vietnam Stock Exchange issued together with Decision No. 21/QD-SGDVN dated December 21, 2021;
- Decision No. 31/QD-SGDVN dated March 31, 2026 by the Vietnam Stock Exchange amending and supplementing a number of articles of the Regulations on Information Disclosure at the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries, issued together with Decision No. 21/QD-SGDVN dated December 21, 2021;
- Other relevant laws and guiding documents governing, amending or supplementing the foregoing.

CHAPTER II

INTERPRETATION OF TERMS, PRINCIPLES OF IMPLEMENTATION AND REQUIREMENTS FOR REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE

Article 4. Interpretation of terms

- 4.1. The Company's Insider ("**Insider**") means the Chairman of the Board of Directors ("**BOD**"), members of the Board of Directors, the Legal Representative, the General Director ("**GD**"), Deputy General Directors, Chief Financial Officer, Chief Accountant and equivalent managerial positions elected by the General Meeting of Shareholders or appointed by the Board of Directors,

	REGULATIONS ON REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE	Code: QC/PC/CBTT/03
		Issuance No.: 03
		Effective date: 02/10/2026

Head of the Board of Supervisors and members of the Board of Supervisors, Company Secretary, Person in charge of corporate governance, and Person authorized to disclose information;

- 4.2. Major Shareholder (“MS”): means a shareholder owning 5% or more of the total number of voting shares of the Company;
- 4.3. Related Person (“RP”): means an individual or organization having a relationship with another individual or organization in any of the following cases:
- (i) The Company and its Insiders;
 - (ii) The Company and an organization or individual owning more than 10% of the total number of voting shares or contributed capital of the Company;
 - (iii) An organization or individual that, in relation to another organization or individual, directly or indirectly controls, or is controlled by, such organization or individual, or is subject to common control with such organization or individual;
 - (iv) An individual and his/her biological father, biological mother, adoptive father, adoptive mother, father-in-law, mother-in-law, wife, husband, biological children, adopted children, daughters-in-law, sons-in-law, biological siblings, brothers-in-law, sisters-in-law, and siblings-in-law;
 - (v) A securities investment fund management company and the securities investment funds and securities investment companies managed by such securities investment fund management company;
 - (vi) A contractual relationship in which one organization or individual acts as the representative of another organization or individual;
 - (vii) Other organizations or individuals that are related persons as prescribed by the Law on Enterprises.
- 4.4. Information Disclosure Date: means the date on which information appears through one of the information disclosure means as prescribed in these Regulations;
- 4.5. Date of reporting Information Disclosure: means the date on which the Company sends a fax or electronic data via email, or the date on which the information is received on the information disclosure system of the State Securities Commission (“SSC”), the information disclosure system of the Stock Exchange (“SE”), or the date on which the SSC or SE receives the written report, whichever occurs first;
- 4.6. Date of completion of securities transaction:
- (i) Means the date on which settlement of the transaction is completed in the case of a transaction conducted through the SE;

	REGULATIONS ON REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE	Code: QC/PC/CBTT/03
		Issuance No.: 03
		Effective date: 02/10/2026

- (ii) Means the date on which settlement of the transaction is completed in the case of a transaction involving the exercise of purchase rights;
- (iii) Means the date on which the conversion of bonds into shares is completed in accordance with the notice of the issuer;
- (iv) Means the effective date of transfer of securities ownership at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (“VSDC”) in the case of a transaction conducted through VSDC;
- (v) Means the date on which payment for the purchase of shares is completed in accordance with the notice of the organization conducting the share auction in the case of a transaction conducted by auction;
- (vi) Means the date on which the issuer confirms the effectiveness of the transfer of securities in the case of a transaction not conducted through VSDC and not conducted through the SE.

Article 5. Principles of Information Disclosure

5.1. Disclosed Information

- Information disclosure must be complete, accurate and timely in accordance with applicable laws;
- In the event of any change to the contents of information previously disclosed, the Company must promptly disclose the full details of such change and the reason for the change compared with the information previously disclosed.

5.2. Person responsible for Information Disclosure (“Information Disclosure Officer”)

- The Company’s information disclosure must be carried out by the Legal Representative or the person authorized to disclose information;
- The Legal Representative shall be responsible for the completeness, accuracy and timeliness of the information disclosed by the person authorized to disclose information;
- In the event that an information disclosure event occurs while all Information Disclosure Officers are absent, the General Director shall be responsible for carrying out the information disclosure in their place;
- The Company must report information on the person responsible for information disclosure to the State Securities Commission (“SSC”) and the Stock Exchange (“SE”) within 24 hours from the effective date of the appointment, authorization or change of the person responsible for information disclosure. The reported information concerning the person responsible for information disclosure shall include: the Authorization Letter for Information Disclosure, Information Provision Form and other documents (if any).

5.3. Information Confidentiality

	REGULATIONS ON REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE	Code: QC/PC/CBTT/03
		Issuance No.: 03
		Effective date: 02/10/2026

- Disclosure of personal information, including: Citizen ID Card, ID Card, Military ID Card, valid Passport, contact address, permanent address, phone number, fax number, email address, securities trading account number, securities depository account number, bank account number, and trading code of a foreign investor or an economic organization with foreign investment capital owning more than 50% of its charter capital, may only be made with the consent of the relevant individual;
- Where the information disclosure form requires the above information, such information shall only be submitted to the relevant regulatory/competent authority and shall be concealed/redacted/blurred when information disclosure is carried out through the forms of information disclosure prescribed in these Regulations.

Article 6. Requirements for Reporting and Information Disclosure

6.1. Forms

- Reporting and Information Disclosure must be carried out using the forms and in the Vietnamese and/or English language as prescribed by the competent authorities and submitted in the manner required from time to time. For reports submitted in writing, such reports must bear all required seals and signatures of the duly authorized signatory.

6.2. Contents

- Reporting and Information Disclosure must ensure truthfulness, objectivity, completeness, accuracy and timeliness;
- Information Disclosure must be carried out simultaneously with the reporting to the SCC and the SE of the disclosed information and must be carried out simultaneously through the reporting and information disclosure means prescribed in these Regulations.

6.3. Language

- The language of disclosed information shall be Vietnamese;
- The Company shall disclose information simultaneously in English;
- Information disclosed in English must be consistent with the information disclosed in Vietnamese. In the event of any discrepancy or difference in interpretation between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall prevail;
- The unit in charge of drafting the information disclosure contents shall be responsible for ensuring that documents submitted for information disclosure satisfy the information disclosure language requirements under the Company's Reporting and Information Disclosure procedures.

Article 7. Parties involved in Information Disclosure

- 7.1. Person responsible for Information Disclosure: as prescribed in Article 5 of these Regulations.
- 7.2. Information Provider ("IP")

	REGULATIONS ON REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE	Code: QC/PC/CBTT/03
		Issuance No.: 03
		Effective date: 02/10/2026

- (i) The Information Provider for each information disclosure case shall be specifically determined and promulgated by the Company from time to time.
- (ii) Upon the occurrence of an event requiring information disclosure, the Information Provider shall be responsible for preparing complete, accurate and timely information and documents required to be disclosed (“**Disclosed Information**”) and submitting them to the Focal Point Unit (“**FPU**”) for information disclosure.
- (iii) In the event of an occurrence that does not fall within the scope of the Company’s prescribed cases, but where the Information Provider, to the best of its knowledge, has grounds to believe or suspects that the event may fall within a case requiring information disclosure under applicable laws, the Information Provider must immediately send a request for consultation to the Legal Affairs and Internal Control Department to determine and clarify the matter and submit a request for information disclosure to the Information Provider for information disclosure (if any).

7.3. Focal Point Unit

- (i) The Focal Point Unit for each information disclosure case shall be specifically determined and promulgated by the Company from time to time.
- (ii) The Focal Point Unit shall be responsible for completing the information disclosure dossier (including drafting and finalizing Official Letters/information disclosure reports and Disclosed Information) (“**Information Disclosure Dossier**”) and carrying out information disclosure as requested by the Information Provider.
- (iii) The Focal Point Unit shall not be responsible for re-checking the contents of the Disclosed Information provided by the Information Provider.
- (iv) The Focal Point Unit shall report on the performance of information disclosure obligations as requested by the competent authority.

7.4. Coordinating Unit (“**CU**”)

- (i) The Coordinating Unit for each information disclosure case shall be specifically determined and promulgated by the Company from time to time.
- (ii) The Coordinating Unit shall be responsible for coordinating with the Information Provider and Focal Point Unit in carrying out information disclosure.

7.5. Each Unit shall be responsible for appointing a focal point officer (including in the event of any change thereto) to perform tasks related to information disclosure and sending an email notification (including full name, title, email address, mobile phone number and extension number at the Company) to the Legal Affairs and Internal Control Department and the relevant Unit.

	REGULATIONS ON REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE	Code: QC/PC/CBTT/03
		Issuance No.: 03
		Effective date: 02/10/2026

CHAPTER III

CASES AND ROLES IN THE IMPLEMENTATION OF REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE BY THE COMPANY

Article 8. Cases of Reporting and Information Disclosure

- 8.1. Periodic Information Disclosure;
- 8.2. Extraordinary Information Disclosure;
- 8.3. Information Disclosure at the request of the SCC and the SEs;
- 8.4. Information Disclosure on changes in transactions of Major Shareholders and groups of related persons holding 5% or more of the voting shares of the Company;
- 8.5. Information Disclosure on transactions of Insiders of the Company and related persons of Insiders;
- 8.6. Other Information Disclosure by the Company.

Article 9. Roles in the implementation of Reporting and Information Disclosure

- 9.1. Information Disclosure in the capacity of a securities company operating in the securities market;
- 9.2. Information Disclosure in the capacity of an enterprise issuing privately placed bonds;
- 9.3. Information Disclosure in the capacity of an enterprise offering bonds to the public.

CHAPTER IV

MEANS AND METHODS FOR IMPLEMENTING REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE

Article 10. Means of Reporting and Information Disclosure

- 10.1. Information Disclosure shall be carried out through one, several or all of the following means:
 - The Company's website ("Website");
 - The information disclosure system of the SCC: the securities company database management system ("SCMS"), the website and other publications of the State Securities Commission as specifically prescribed from time to time;
 - The information disclosure systems of the SEs: the reporting and information disclosure management system of the Hanoi Stock Exchange and the Vietnam Stock Exchange ("CIMS"), the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("ECM"), the websites of the SEs and other information disclosure means as prescribed by the regulations of the SEs;
 - The website of the VSDC;
 - Other mass media (printed newspapers, electronic newspapers, etc.).

	REGULATIONS ON REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE	Code: QC/PC/CBTT/03
		Issuance No.: 03
		Effective date: 02/10/2026

10.2. Reporting shall be carried out through one, several or all of the following means:

- The information disclosure system of the SCC: the CIMS, ECM, the website and other publications of the SCC;
- The information disclosure systems of the SEs: the CIMS, ECM, the website of the SE and other information disclosure means as prescribed by the regulations of the SE;
- Reporting and information disclosure systems of competent authorities (the Corporate Bond Information Page of the Hanoi Stock Exchange (“Cbonds”); the reporting system for FATCA of the State Bank of Vietnam, etc.);
- Other reporting means.

10.3. In addition to the means specified above, when carrying out Reporting and Information Disclosure, information must be sent to the email addresses of competent state authorities from time to time.

Article 11. Forms of Reporting and Information Disclosure

11.1. Information provided for the purpose of Information Disclosure shall be submitted in hard-copy and/or electronic form as required by the SCC and the SE from time to time, whereby:

- A hard-copy document means a document printed on paper, bearing the signature of the Person responsible for Information Disclosure and the Company’s seal;
- An electronic document means a document presented in the form of a data message. Electronic documents signed using a digital certificate before being attached to an email shall have the same validity as hard-copy documents.

11.2. Reporting and Information Disclosure shall also be carried out through the information disclosure software as prescribed by the SCC and the SE from time to time. The responsible individuals/departments shall prepare the Information Disclosure contents in both Vietnamese and English in accordance with the requirements of the competent authorities. Individuals and departments assigned to carry out Information Disclosure through the information disclosure software must ensure the following principles:

- Maintain the confidentiality of registered information, including the username and password used for Information Disclosure to the SCC and the SE;
- Carry out Information Disclosure in accordance with the instructions of the SCC and the SE.

11.3. Email addresses registered for receiving information and submitting Reporting and Information Disclosure to competent state authorities:

- Sending email: cbtt1@lpbs.com.vn.
- Receiving email: cbtt1@lpbs.com.vn.

	REGULATIONS ON REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE	Code: QC/PC/CBTT/03
		Issuance No.: 03
		Effective date: 02/10/2026

Article 12. Information Disclosure through the Company's Website

- 12.1. The official website for Information Disclosure: <https://www.lpbs.com.vn>
- 12.2. The Company shall report to the SCC and the SEs within 03 working days from the date of any change to the website address and any other changes related to such address.
- 12.2.1. The Company's website must contain information on its business lines and sectors and the information required to be publicly disclosed on the National Business Registration Portal in accordance with the Law on Enterprises, as well as any changes relating to such information.
- 12.3. The Company's website must have a separate Shareholder Relations section, which must contain at least the following information:
- The Company's Charter;
 - Regulations on Information Disclosure;
 - Internal Regulations on Corporate Governance;
 - Regulations on the operation of the Board of Directors;
 - Prospectus (if any);
 - Periodic and extraordinary disclosed information, information disclosed at the request of competent authorities, and other activities as prescribed by applicable laws.
- 12.4. The Company's website must display the time of posting of information. Periodic and extraordinary disclosed information and information disclosed at the request of competent authorities may be posted on the homepage of the website in chronological order, but must be centrally archived in the Shareholder Relations section for ease of reference when necessary.
- 12.5. All periodic and extraordinary Information Disclosure and Information Disclosure at the request of competent authorities must be sent to the Coordinating Unit for posting on the Company's website simultaneously with disclosure through other Information Disclosure means.
- 12.6. The English-language Shareholder Relations section must be updated with information equivalent to that in the Vietnamese-language Shareholder Relations section to facilitate access to necessary information by foreign shareholders and customers.
- 12.7. In the event that an Information Disclosure obligation arises on a statutory day off or public holiday, the Information Disclosure shall first be made on the Company's website, followed by full compliance with the Information Disclosure obligations prescribed by law on the working day immediately following such day off or public holiday.

Article 13. Postponement of Information Disclosure

- 13.1. Where Information Disclosure cannot be made within the prescribed deadline due to force majeure, the Legal Affairs and Internal Control Department shall draft an official letter requesting

	REGULATIONS ON REPORTING AND INFORMATION DISCLOSURE	Code: QC/PC/CBTT/03
		Issuance No.: 03
		Effective date: 02/10/2026

postponement of Information Disclosure for submission to the Person responsible for Information Disclosure for signature and promptly send it to the SCC and the SEs upon occurrence of the event. The official letter must clearly state the reason for the postponement of Information Disclosure. At the same time, the Company shall disclose the postponement of Information Disclosure and make the required Information Disclosure immediately after the force majeure event has been remedied.

Article 14. Preservation and retention of Reporting and Information Disclosure

- 14.1. Periodically disclosed information and information on registration as a public company must be retained in writing (if any) and electronic data for at least 10 years. Such information must be retained and accessible on the Company's website for at least 05 years;
- 14.2. Extraordinary information, information disclosed at the request of competent authorities, and information relating to other activities must be retained and accessible on the Company's website for at least 05 years.

CHAPTER V

IMPLEMENTATION PROVISIONS

Article 15. Implementation Provisions

- 15.1. These Regulations shall take effect from the date of signing.
- 15.2. These Regulations shall be issued and disclosed on the Company's website.
- 15.3. These Regulations supersede the Regulations on Information Disclosure previously issued by the Company.
- 15.4. Any amendment or supplement to these Regulations shall be decided by the Board of Directors.
- 15.5. The Board of Directors, Executive Board, and relevant individuals and units of the Company shall be responsible for properly implementing these Regulations.